

Số: 17 /TM-KSBT

Nghệ An, ngày 08 tháng 01 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ hoạt động chuyên môn quý 1 năm 2025 tại đơn vị với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS. Trần Nữ Trà My – Khoa Dược-VTTYT - SĐT: 0971124104
- Cách thức, địa chỉ nhận báo giá.

Gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ có kí, đóng dấu xác nhận của công ty qua đường Bưu điện về địa chỉ: Khoa Dược – Vật tư Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, 140 Lê Hồng Phong, TP Vinh, Nghệ An.

Lưu ý: Hồ sơ báo giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Báo giá các mặt hàng Hóa chất, vật tư, sinh phẩm phục vụ hoạt động chuyên môn quý 1 năm 2025 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An”.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính, từ ngày 08/01/2025 đến 17h ngày 18/01/2025. Các báo giá nhận được sau ngày 18/ 01/ 2025 sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 18/01/2025.

6. Thư mời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có địa chỉ: <https://cdcnghean.vn>.



Bên báo giá đồng ý cho bên mời báo giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các thư báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế cần báo giá chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm.

2. Các đơn vị cung cấp báo giá đề nghị làm báo giá theo mẫu tại phụ lục 2 đính kèm.

3. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Dược-VTTYT, Tổ mua sắm.

GIÁM ĐỐC



Chu Trọng Trang



PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ MỜI BÁO GIÁ

(Kèm thư mời báo giá số *17* /TM-KSBT ngày *08* /01/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Abbott Bioline HIV 1/2 3.0	Xác định sự hiện diện của kháng thể kháng HIV trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100%.	25test/hộp hoặc 30test/hộp hoặc 100 test/hộp	Test	200
2	Alere Determine HIV 1/2	Xác định sự hiện diện của kháng thể kháng HIV trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,8%.	100test/gói	Test	100
3	Natri carbonat Na ₂ CO ₃	Độ tinh khiết: $\geq 99.99\%$ Khối lượng mol: 105.99 g/mol Dạng: rắn, màu trắng Mật độ: 2,53 g/cm ³ (20 °C) Điểm nóng chảy: 854 °C Giá trị pH: 11,16 (4 g/l, H ₂ O, 25 °C) Mật độ lớn: 1100 kg/m ³ Nhiệt độ bảo quản: 5-30°C	1000g/lọ	gam	1000
4	Giấy lọc định lượng không tro	Mã màu: Trắng Đường kính 110mm Không có tro (hàm lượng tro < 0.01%) Tốc độ lọc: 20 giây Lưu giữ hạt: 8 đến 12µm Độ dày (Số liệu): 0,19 mm	100tờ/ hộp	tờ	200

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Lớp: 389 Trọng lượng cơ bản: 84 g / m ²			
5	Định lượng Creatinin	- Khoảng tuyến tính: + Huyết thanh/ huyết tương: Từ $\leq 5 - \geq 2.200 \mu\text{mol/L}$ (Từ $\leq 0,06 - \geq 25,0 \text{ mg/dL}$) + Nước tiểu: Từ $\leq 88 - \geq 35.360 \mu\text{mol/L}$ (Từ $\leq 1 - \geq 400 \text{ mg/dL}$) - Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 1,12\%$; - Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 2,48\%$ Số test thực hiện được: $\geq 4 \text{ test/mL}$ - Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE	(4 lọ R1 x51ml+4 lọ R2 x51ml)/ Hộp	Hộp	1.5
6	Định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2 \text{ kU/L}$ (3,3 $\mu\text{kat/L}$); Cholesterol oxidase $\geq 0,2 \text{ kU/L}$ (3,3 $\mu\text{kat/L}$); Peroxidase $\geq 10 \text{ kU/L}$ (166,7 $\mu\text{kat/L}$); Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,5 – 18,0 mmol/L (20 – 700 mg/dL); Bước sóng: 540 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 0,7\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 0,8\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test	(45ml/lọ x 4 lọ)/ hộp	Hộp	0.25
7	Định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/L; Mg ²⁺ 4.6 mmol/L; MADB 0.25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; ATP 1.4 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 $\mu\text{kat/L}$); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 $\mu\text{kat/L}$); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 $\mu\text{kat/L}$); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 $\mu\text{kat/L}$); Glycerol-3-	(4 lọ R1 x20ml+4 lọ R2 x5ml)/ Hộp	Hộp	1

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L); Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,1 – 11,3 mmol/L (10 – 1.000 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $CV \leq 1,06\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 1,76\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test			
8	Cồn 96°	Cồn đạt 96 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng		Lít	35
9	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Viêm não Nhật Bản	Bộ xét nghiệm dùng để xác định định tính kháng thể IgM kháng virus Viêm não Nhật Bản trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: + Dải Microtiter được phủ cho IgM người + Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho IgM loại A + JE Kiểm soát âm tính + JE IgM Kiểm soát dương tính + Kháng nguyên JE (JERA) cho IgM + Kháng nguyên tế bào bình thường sẵn sàng sử dụng (NCA) cho JE IgM + Enzyme Conjugate-HRP cho JE IgM + 10X Dung dịch đệm rửa + EnWash + Chất nền TMB + Dung dịch dừng phản ứng.	96 test/hộp	Test	96
10	Bộ xét nghiệm định lượng, định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Sởi	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng lại Virus Sởi Thành phần bộ xét nghiệm: - Khay vi giếng: 12 cái. Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Chất liên hợp kháng IgM người: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch rửa đậm đặc: 33.3 ml	96 test/hộp	Test	384

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch dùng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: 98.9% Độ đặc hiệu: > 99.0% Độ chụm nội xét nghiệm: 1.9% - 2.8% Độ chụm liên xét nghiệm: 5.2% - 9.3% Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với virus Mumps IgM, virus cúm IgM, Virus Epstein-Barr VCA IgM, Adenovirus IgM, Rubella Virus IgM, Virus hợp bào hô hấp IgM, Parvovirus IgM, Chikungunya Virus IgM và virus Dengue IgM. Độ ổn định: ở 2-8oC trong 22 tháng			
11	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn tả	Môi trường chọn lọc để phát hiện Vibrio spp gây bệnh đường ruột từ các mẫu lâm sàng và mẫu phi lâm sàng, theo ISO 21872. - Thành phần (g/l): Peptone 10.0; Yeast Extract 5.0; Sodium Citrate 10.0; Sodium Thiosulfate 10.0; Iron(III) Citrate 1.0; Sodium Chloride 10.0; Dried Bovine Bile 8.0; Sucrose 20.0; Bromothymol Blue 0.04; Thymol Blue 0.04; Agar 15.0; pH cuối cùng 8.6 ± 0.2 ở 25°C - Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be nhạt đến màu be xanh. - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE	500g/hộp	Hộp	1

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
12	Môi trường nuôi cấy phân lập Salmonella spp. và Shigella spp	Môi trường chọn lọc để phân lập Salmonella spp. và Shigella spp. Thành phần (g/l): Peptone 5.0; HM Peptone B 5.0; Lactose 10.0; Yeast Extract 5.0; Sodium Citrate 1.0; Bile Salts mixture 8.5; Ferric Citrate 1.0; Brilliant Green 0.33 mg; Neutral Red 0.025; Agar 15.0; pH cuối cùng 7.0 ± 0.2 . Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu hồng nhạt. Bảo quản: 10-25°C- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE.	500g/hộp	Hộp	1
13	Môi trường thạch KIA	Thực hiện thử nghiệm lên men đường Glucose, Lactose Sinh Hidrogen Sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm dễ mọc	3-5ml/ống	Ống	30
14	Lysin Decarboxylase	Thực hiện thử nghiệm Lysin Decarboxylase dùng định danh trực khuẩn gram âm, dễ mọc	3-5ml/ống	Ống	30
15	Manit di động	Phát hiện khả năng di động của vi khuẩn	3-5ml/ống	Ống	30
16	Môi trường Ure Indol	Thực hiện thử nghiệm sinh Urease, sinh Indol và di động để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	3-5ml/ống	Ống	30
17	Màng lọc Cellulose Nitrate	Chất liệu: Cellulose nitrate Đường kính 47mm, kích thước lỗ lọc: $0.45\mu\text{m}$. Màng lọc kẻ ô, nền màu trắng kẻ màu đen	100 cái/hộp	Cái	500
18	Chai nhựa 1,5l	Chất liệu: Nhựa ;Thể tích: 1.5lit	100 chai/Bịch	Chai	200
19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: Tris buffer pH 7.15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của	(4 lọ R1 x50ml+4 lọ R2 x25ml)/ Hộp	Hộp	2.5

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 500 U/L (0,05 – 8,33 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $CV \leq 2,1\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 2,7\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test			
20	Đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq 0,9$ kU/L; MDH $\geq 0,6$ kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 1000 U/L (0,05 – 16,7 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $CV \leq 1,9\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 2,9\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	(4 lọ R1 x25ml+4 lọ R2 x25ml)/ Hộp	Hộp	2.5
21	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động	Dạng dung dịch, thành phần: Dung dịch rửa chứa Natri hydroxyd 4%, Triton X-100 10%	Hộp 1 Chai (Chai 100ml)	Chai	2
22	Dung dịch định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD ⁺ $\geq 1,32$ mmol/L; Mg ²⁺ 2,37 mmol/L; Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L; G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ mẫu ly giải/ dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L (10 – 800 mg/dL), Nước tiểu: 0 – 45 mmol/L (1 – 800 mg/dL); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, mẫu ly giải và dịch não tủy; Độ lặp lại: $CV \leq 2,3\%$; Độ	(4 lọ 25ml+4 lọ x 12.5ml)/ hộp	Hộp	1

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		chạm toàn phần: $CV \leq 4,15\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test			
23	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt ISO 13485	1x3ml/Lọ	Lọ	1
24	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt ISO 13486	1x3ml/Lọ	Lọ	1
25	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Đạt ISO 13487	1x3ml/Lọ	Lọ	1
26	Chlamydia Rapid Test	Phát hiện kháng nguyên Chlamydia trong mẫu chồi tế bào, tăm bông dịch cổ tử cung. Độ nhạy $\geq 93.1\%$; Độ đặc hiệu $\geq 98.8\%$	20 Test / Hộp	Test	980

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Test xét nghiệm gồm 1 lọ dung dịch tách chiết A. 1 lọ dung dịch trung hòa B. Test xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55\pm 1^{\circ}\text{C}$. Giới hạn phát hiện: $19.7\ \mu\text{g/ml}$. Hạn dùng lớn hơn hoặc bằng 18 tháng.			
27	Dung dịch nhuộm gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Lugol chai 500ml .Tím Gentian 500 ml, Đỏ fucsin 500ml	3chai x 500ml	ML	1500
28	IVF	G -IVF chứa tất cả những thành phần cần thiết nhằm hỗ trợ các chức năng của trứng và phôi trong suốt quá trình thụ tinh . Môi trường đệm Hydrocacbonat có chứa Albumin huyết thanh người tái tổ hợp	30 ML / Lọ	ML	30
29	Dung dịch Acid acetic 3%	Acid Acetic CH_3COOH	500ml/chai	chai	40
30	Gel bôi trơn KY	Thành phần gồm: Chlorhexidine, Degluconate and Methyl Hydroxybenzoate.Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo...đã được tiệt trùng.	82 gam/tuyp	Tuýp	120
31	Lugol 3%	Dung dịch Iod mạnh	Việt Nam	chai	20
32	Băng dính cuộn vải lụa y tế	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	Cuộn	cuộn	50
33	Bơm Kacman 1 van	Bơm hút thai có tác dụng tạo áp lực âm, có tác dụng chứa chất hút từ buồng tử cung.1 ống bơm 1 van 60cc,1 pitton kín, 1 roăng	Đóng gói từng cái, dung tích	cái	10

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		cao su hình chữ O, 1 đai hãm cổ bơm giữ cho pit ton không bị tuột khỏi ống bơm, 1 bộ van	60ml, kèm theo ống hút 4.5.6mm, 1 lọ dầu silicon bôi trơn		
34	Bơm Kacman 2 van	Bơm hút thai có tác dụng tạo áp lực âm, có tác dụng chứa chất hút từ buồng tử cung thai từ 8 đến 12 tuần	01 Bơm hút 2 van dung tích 60ml, kèm theo ống hút 4.5.6,7,8,9, 10,12mm, 1 lọ dầu silicon bôi trơn	cái	1
35	Đầu côn trắng (có khóa)	Đầu côn không có lọc 100ul- 500ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,69g, Kích thước: 8x69mm, có khóa, Màu sắc: Trắng, Mục đích: Dùng rửa	1000 cái/túi	Cái	1000
36	Kim cánh bướm	Đầu kim 3 mặt vát được tráng 1 lớp silicon, làm bằng hợp kim Crôm-Nikel Chiều dài kim 20 mm, đường kính kim 0.65 mm, tốc độ dòng chảy 11 ml/ phút Dây nối 30cm, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn Có đầu khóa Luer	Kim cánh bướm	Cái	1500
37	Nước cất (Dạng ống nhựa 10ml)			Ống	500

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
38	Gạc đắp vết thương tiết trùng	6cm*15cm, 100% bông xơ tự nhiên, đã tiết trùng		Cái	230
39	Yếu tố dạng thấp	RF Absorbent được dùng để loại bỏ các yếu tố dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy(CSF), là bước ban đầu trong việc xác định sự hiện diện của kháng thể IgM đặc hiệu trong các xét nghiệm miễn dịch gián tiếp.	20 ml/ lọ	Lọ	5
40	Ống nhựa Falcon đáy nhọn	Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chất liệu: ống nhựa PP, nắp nhựa PE Kích thước: 17*120mm, Độ dày: 1.0mm Thể tích thực: 15ml, đáy nhọn Chứng chỉ: ISO13485, CE	50 cái / bịch	Cái	50
41	Que cấy (Stick/Loop)	Dùng cho các quy trình cấy vi sinh, size 10ul, nhựa HIPS, đã tiết trùng.	02 que/túi	Túi	20
42	Thùng lấy mẫu	Dung tích: 24L, Kích thước: 413 x 283 x 360 mm, Nguyên liệu: nhựa PP chính phẩm. Nắp rời. Màu sắc: Xanh dương.	Thùng	Thùng	1

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
43	Túi ủ kỵ khí Anaero/ AnaeroPack CO2	Thành phần chính: acid ascorbic (Vitamin C) Kích thước: 2,5l: W135 x L197 x H95 (mm)	10 túi /Gói	Túi	200
44	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Thành phần gồm: Kháng nguyên tái tổ hợp Treponema pallidum Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum Dung môi: đệm Tris-HCL; Natri azide Độ nhạy $\geq 98.9\%$; Độ đặc hiệu $\geq 98.5\%$; Độ chính xác $\geq 98.9\%$	25 Test / hộp	Test	1000
45	Pipetpateur	Pipets nhựa 3ml tiệt trùng có chia vạch .0.5mm	25 cái/Hộp	Cái	25
46	Síhilecpur	Môi trường lọc rửa tinh trùng pha sẵn 2 nồng độ Upper 45% và lower 90%	Bộ 2 lọ Ml(Mỗi lọ 20ml)	Bộ	1
47	Ống nghiệm thủy tinh 1,2* 7	Chất liệu: Thủy tinh trong suốt. Không chia vạch, ống trơn, không nắp, không có nhãn ghi, bề mặt nhẵn trơn dễ dàng rửa sạch sau khi sử dụng. Kích thước: 1,2cm x 7cm	2000 Cái/thùng	Cái	1000
48	Ống hút thai cỡ 4	ống nhựa số 4 (màu vàng)	cái	cái	20
49	Ống hút thai cỡ 5	ống nhựa số 5 (màu xanh)	cái	cái	20
50	Ren Bơm Kac man	Ren bôi trơn bơm hút Kacman	2ml/típ	Típ	20
51	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo)	5 lít/ can	Lít	5

TT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày			
52	Băng dính cá nhân	Thiết kế chống thấm nước, thông thoáng, độ dính cao, co giãn tốt. Kích thước 1 cái: 2 x 6cm	102 miếng/hộp	Cái	17400
53	Thử thai sớm	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu - Mẫu thử: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL - Bảo quản nhiệt độ thường	50 Test/Hộp	Test	480
54	Dung dịch rửa tay	Gồm 2 - 4 % chlorhexidine hoặc 5 -7 % providone iodine hoặc 1% triclosan	500 ml/Chai	lít	60
55	DD Iot	Dung dịch sát khuẩn da LS Iodine 10%	500 ml/Chai	Lít	120
56	Bàn chải rửa tay	Chất liệu nhựa PVC - Thân bàn chải màu trắng, lông bàn chải màu đen - Chịu được nhiệt độ cao khi hấp sấy tiệt trùng không biến chất, với sợi mềm mại, dễ làm sạch bề mặt da và móng tay, tái sử dụng nhiều lần.	Hộp	Cái	396



PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(kèm thư mời báo giá số 17 /TM-KSBT ngày 08 /01 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

Tên đơn vị cung cấp

Địa chỉ

Số điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An

Trên cơ sở thư mời báo giá số /TM-KSBT của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An ngày tháng 01 năm 2025, chúng tôi [ghi tên; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên của các thành viên liên danh] có mã số thuế.....báo giá cho các mặt hàng như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế/ hàng hóa và dịch vụ liên quan

ĐVT: VND

STT	STT trong thư mời báo giá	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1														
...														
Tổng tiền .. mặt hàng														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan nếu có)



2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 18/01/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

